

Số: 391 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận
đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về Quản lý phát triển đô thị và Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1086/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ XIII (nhiệm kỳ 2015 - 2020);

Căn cứ Công văn số 05/BXD-PTĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ xây dựng về việc cho ý kiến về nội dung Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1859/TTr-SXD ngày 22 tháng 6 năm 2017 và Công văn số 3284/SXD-PTĐT&HTKT ngày 20 tháng 10 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 với nội dung chủ yếu như sau:

I. Tên chương trình:

Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

II. Nội dung chương trình:

1. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị trên địa bàn:

1.1. Quan điểm:

- Phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận hướng tới phát huy nội lực, khai thác tiềm năng, lợi thế về kinh tế biển và năng lượng tái tạo, hình thành các sản phẩm mũi nhọn và vùng động lực, tạo bước chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tăng cường liên kết phát triển với các tỉnh trong vùng và cả nước; đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế;

- Phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đồng thời bảo vệ, tôn tạo và nâng cao giá trị các giá trị cảnh quan, sinh thái và môi trường, phát triển hệ thống đô thị du lịch;

- Phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, phân bố dân cư giữa các khu vực đô thị và nông thôn, giữa các tiểu vùng kinh tế - xã hội;

- Việc sử dụng đất nông nghiệp cho phát triển đô thị phải đảm bảo hiệu quả, trên nguyên tắc ưu tiên bảo vệ các quỹ đất nông nghiệp có hiệu quả canh tác tốt;

- Phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận phải đảm bảo sử dụng hiệu quả quỹ đất xây dựng, đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội, kiểm soát chất lượng môi trường, hài hòa giữa bảo tồn, cải tạo và xây dựng mới. Xây dựng đô thị có điều kiện sống tốt, tăng cường sức cạnh tranh đô thị trong khu vực và quốc tế;

- Nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ đô thị cơ bản của đa số người dân đô thị. Phát huy yếu tố con người, coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bảo tồn, phát huy, phát triển nền văn hóa truyền thống các dân tộc trong tỉnh.

1.2. Mục tiêu:

- Phát triển toàn tỉnh Ninh Thuận trở thành trung tâm công nghiệp sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, du lịch của cả nước với đô thị hạt nhân là thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; Là đầu mối giao thương thuận lợi gắn kết với bốn vùng kinh tế trọng điểm của quốc gia;

- Phát triển đô thị văn minh, hiện đại, có chất lượng môi trường sống tốt, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

- Phát triển đô thị gắn với Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh quy định tại Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ, nhằm đảm bảo phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững theo mô hình kinh tế “xanh, sạch” tại Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

- Cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường, hạn chế tác hại của thiên tai; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng;

- Đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020:

2.1. Các chỉ tiêu định hướng Chương trình phát triển đô thị đến năm 2020:

a) Tỷ lệ đô thị hóa: 46%.

Hệ thống đô thị: đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển, bao gồm:

- 01 đô thị loại II: Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm;

- 01 đô thị loại IV: đô thị Tân Sơn, huyện Ninh Sơn;

- 04 đô thị loại V, bao gồm: 02 đô thị hiện hữu là Phước Dân, huyện Ninh Phước và Khánh Hải, huyện Ninh Hải); 02 đô thị thành lập mới là: Lợi Hải, huyện Thuận Bắc và Phước Đại, huyện Bác Ái.

Bước đầu hình thành hệ thống cơ sở vật chất cho các đô thị tương lai, như: Cà Ná, Thanh Hải.

b) Chất lượng đô thị:

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân tại đô thị: 23m²/người; Tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố 90%.

- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị:

+ Đô thị loại II: >20%;

+ Đô thị loại IV: 20%;

+ Đô thị loại V: 20%.

- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng:

+ Đô thị loại II: 10%;

+ Đô thị loại IV: >3%;

+ Đô thị loại V: >2%.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch, hợp vệ sinh tại các đô thị

+ Đô thị loại II: >95% dân số

+ Đô thị loại IV: >95% dân số

+ Đô thị loại V: >80% dân số.

- Tiêu chuẩn cấp nước sạch tại các đô thị

+ Đô thị loại II: >120 lít/người.ngày đêm

+ Đô thị loại IV: >120 lít/người.ngày đêm

+ Đô thị loại V: >90 lít/người.ngày đêm.

- Mật độ bao phủ của hệ thống thoát nước: 80% diện tích lưu vực thoát nước trong các đô thị.
- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: 60% lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý.
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang thiết bị giảm ô nhiễm: 100%.
- Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý: 95%
- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch:
 - + Đô thị loại II: <18%
 - + Đô thị loại IV: <18%
 - + Đô thị loại V: <25%.
- Chất thải rắn sinh hoạt của đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường: 90%;
- Chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường: 100%
- Chỉ tiêu cấp điện tại các đô thị:

TT	Chỉ tiêu	Loại đô thị		
		II	IV	V
1	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt đến năm 2020 (Kwh/ng.năm)	750	350	250
2	Tỷ lệ chiều dài đường phố chính khu vực nội thị được chiếu sáng (%)	100	90	90
3	Tỷ lệ chiều dài đường ngõ, hẻm được chiếu sáng (%)	90	90	90

- Đất cây xanh đô thị:
 - + Đô thị loại II: đạt 10m²/người;
 - + Đô thị loại IV đạt 7m²/người.
 - + Đô thị loại V đạt 5m²/người.
- Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị:
 - + Đô thị loại II: 6 m²/người;
 - + Đô thị loại IV: 5 m²/người;
 - + Đô thị loại V: 4 m²/người.

2.2. Các chỉ tiêu định hướng Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030:

a) Hệ thống đô thị đến năm 2030:

- Tỷ lệ đô thị hóa: 50%.
- Hệ thống đô thị: đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đáp

ứng yêu cầu quản lý phát triển, bao gồm:

- + 01 đô thị loại II: Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm (đô thị Khánh Hải sát nhập vào thành phố Phan Rang- Tháp Chàm);
- + 03 đô thị loại IV: đô thị Tân Sơn; Lợi Hải; Phước Dân;
- + 06 đô thị loại V, bao gồm: Thanh Hải, Phước Nam, Cà Ná, Phước Đại, Lâm Sơn và Hòa Sơn.

b) Chất lượng đô thị:

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân tại đô thị: 30m²/người. Tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố 95%.
- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị:
 - + Đô thị loại II: >20%;
 - + Đô thị loại IV: >20%;
 - + Đô thị loại V: >20%.
- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng:
 - + Đô thị loại II: 10%;
 - + Đô thị loại IV: >5%;
 - + Đô thị loại V: >3%.
- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch, hợp vệ sinh tại các đô thị
 - + Đô thị loại II: >95% dân số
 - + Đô thị loại IV: >95% dân số
 - + Đô thị loại V: >90% dân số.
- Tiêu chuẩn cấp nước sạch tại các đô thị:
 - + Đô thị loại II: >120 lít/người.ngày đêm
 - + Đô thị loại IV: >120 lít/người.ngày đêm
 - + Đô thị loại V: >90 lít/người.ngày đêm.
- Mật độ bao phủ của hệ thống thoát nước: 85% diện tích lưu vực thoát nước trong các đô thị
- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: 65% lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý.
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang thiết bị giảm ô nhiễm: 100%.
- Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý: 95%
- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch:
 - + Đô thị loại II: <18%
 - + Đô thị loại IV: <18%
 - + Đô thị loại V: <25%.
- Chất thải rắn sinh hoạt của đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường: 95%;
- Chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường: 100%.
- Chỉ tiêu cấp điện tại các đô thị:

TT	Chỉ tiêu	Loại đô thị		
		II	IV	V
1	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt đến năm 2030 (Kwh/ng.năm)	800	400	300
2	Tỷ lệ chiều dài đường phố chính khu vực nội thị được chiếu sáng (%)	100	95	95
3	Tỷ lệ chiều dài đường ngõ, hẻm được chiếu sáng (%)	95	95	95

- Đất cây xanh đô thị:

+ Đô thị loại II: đạt 11 m²/người;

+ Đô thị loại IV đạt 8m²/người.

+ Đô thị loại V đạt 6m²/người.

- Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị:

+ Đô thị loại II: 7 m²/người;

+ Đô thị loại IV: 6 m²/người;

+ Đô thị loại V: 5 m²/người.

3. Danh mục, lộ trình và kế hoạch nâng loại hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận:

3.1. Tổ chức hệ thống đô thị đến năm 2020

- Tỷ lệ đô thị hóa: 46%.

- Hệ thống đô thị: đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển, bao gồm:

+ 01 đô thị loại II: Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm;

+ 01 đô thị loại IV: đô thị Tân Sơn, huyện Ninh Sơn;

+ 04 đô thị loại V, bao gồm: 02 đô thị hiện hữu là Phước Dân (huyện Ninh Phước) và Khánh Hải (huyện Ninh Hải); 02 đô thị thành lập mới là: Lợi Hải, huyện Thuận Bắc và Phước Đại, huyện Bác Ái.

+ Bước đầu hình thành hệ thống cơ sở vật chất cho các đô thị tương lai, như: Cà Ná, Thanh Hải.

3.2. Tổ chức hệ thống đô thị đến năm 2030:

- Tỷ lệ đô thị hóa: 52%

- Hệ thống đô thị bao gồm:

+ 01 đô thị loại II: Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm (đô thị Khánh Hải sát nhập vào thành phố Phan Rang- Tháp Chàm);

+ 03 đô thị loại IV: đô thị Tân Sơn; Lợi Hải; Phước Dân;

+ 06 đô thị loại V, bao gồm: Thanh Hải, Phước Nam, Cà Ná, Phước Đại, Lâm Sơn và Hòa Sơn.

3.3. Nhiệm vụ trọng tâm của từng đô thị trong giai đoạn 2016 - 2020:

a) Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm:

- Thực hiện phủ kín quy hoạch phân khu thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, ưu tiên triển khai quy hoạch chi tiết các khu đô thị hiện hữu hoặc các khu vực hiện trạng chỉnh trang kết hợp xen cấy các chức năng đô thị mới.

- Tiếp tục thực hiện các đề án phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực cho phát triển đô thị như : Đề án xây dựng thành phố xanh, sạch đẹp, đề án phát triển vùng biển Đông, đề án phát triển trung tâm thương mại - chợ - siêu thị, đề án đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết các vấn đề xã hội,...

- Hướng phát triển đô thị: Phát triển đô thị về phía Đông, khai thác tiềm năng du lịch biển; Phát triển về phía Tây kết nối với khu vực Tháp Chàm, trên cơ sở hình thành tuyến đường tránh quốc lộ 27 (quốc lộ 27 mới - đường Phan Đăng Lưu). Bắt đầu triển khai phát triển kết nối với biển Ninh Chữ, hướng tới hình thành một trung tâm du lịch biển của Tỉnh; Phát triển về phía Nam để khai thác cảnh quan 2 bờ sông Dinh, phát triển du lịch.

- Từng bước hình thành ba khu đô thị: Khu đô thị cũ là hạt nhân, là trung tâm hành chính của thành phố; Khu đô thị phía Đông: là trung tâm văn hoá - dịch vụ du lịch - cảng biển, trung tâm thể dục thể thao, trung tâm hành chính của tỉnh; Khu đô thị phía Tây và Bắc là các khu đô thị có hạt nhân là các hoạt động công nghiệp - thương mại.

- Nâng cao chất lượng các khu dân cư. Cải tạo, nâng cấp nhà ở và môi trường sống các khu dân cư hiện hữu. Đối với khu đô thị mới, hình thành và hoàn thiện hạ tầng, kết nối không gian hài hòa với các đô thị hiện hữu, khuyến khích đa dạng các loại nhà ở có diện tích và mức độ tiện nghi đáp ứng nhu cầu của thị trường và điều kiện thu nhập của các tầng lớp dân cư. Khuyến khích kết hợp chức năng ở với chức năng dịch vụ thương mại.

b) Thị trấn Khánh Hải:

- Đầu tư nâng cấp cải tạo Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đầu tư Khu đô thị Đầm Nại hướng đến tiêu chuẩn của đô thị loại II (dự kiến đến năm 2020 sát nhập vào thành phố Phan Rang- Tháp Chàm).

- Đầu tư phát triển trung tâm du lịch biển, dịch vụ biển: Khai thác cảnh quan ven biển Ninh Chữ, ven sông Tri Thủy và Đầm Nại. Đầu tư xây dựng cảng du lịch Ninh Chữ, cảng hàng hóa Ninh Chữ, mở rộng, nâng cấp cảng cá Ninh Chữ. Quản lý và tổ chức tốt khu vực phát triển du lịch. Đặc biệt, đối với khu vực ven biển, cần qui định là không gian công cộng. Kiểm soát việc xây dựng ven biển về tầng cao, khoảng lùi.

- Phát triển trung tâm thương mại - chợ - siêu thị theo quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tạo thêm động lực cho sự phát triển của ngành dịch vụ đô thị, tạo thêm việc làm và tăng khả năng cung cấp dịch vụ cho các khu vực lân cận và khu vực phía Bắc dọc theo dải ven biển.

- Ưu tiên triển khai quy hoạch chi tiết các khu đô thị hiện hữu hoặc các khu vực hiện trạng chỉnh trang xen cấy các chức năng đô thị mới, nhằm cải tạo môi trường và mạng lưới hạ tầng phù hợp, nâng cao chất lượng đô thị.

- Nhà ở tại các khu vực đô thị phát triển mới phải đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật - xã hội và hài hòa với khu vực đô thị hiện hữu.

- Cần quản lý tốt việc phát triển kết hợp bảo vệ cảnh quan, môi trường. Kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường, các dự án đầu tư phải có đánh giá tác động môi trường trước khi được cấp giấy phép đầu tư.

- Thúc đẩy đô thị hóa gắn với tăng trưởng kinh tế du lịch, dịch vụ thương mại thu hút nguồn nhân lực; Phát huy các lợi thế về giao thông, cảnh quan, vị trí thuận lợi để tạo nền tảng đô thị hóa có chất lượng và bền vững.

c) Thị trấn Phước Dân:

- Tiếp tục tăng cường phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng cường các loại hình kinh tế dịch vụ thương mại, kêu gọi đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, kinh doanh, tạo động lực phát triển đô thị, từ đó tăng tỉ lệ lao động phi nông nghiệp.

- Nâng cao chất lượng các khu dân cư. Cải tạo, nâng cấp nhà ở và môi trường sống các khu dân cư hiện hữu. Đối với khu dân cư phát triển mới, khuyến khích đa dạng các loại nhà ở có diện tích và mức độ tiện nghi đáp ứng nhu cầu của thị trường và điều kiện thu nhập của các tầng lớp dân cư. Khuyến khích kết hợp chức năng ở với chức năng dịch vụ thương mại.

- Nâng cấp, mở rộng kết hợp mở mới một số tuyến đường đảm bảo mật độ đường trong khu vực nội thị đạt 6-8 km/km².

d) Thị trấn Tân Sơn:

- Phát huy vai trò là trung tâm thương mại dịch vụ tiểu vùng phía Tây tỉnh Ninh Thuận của đô thị Tân Sơn.

- Xây dựng Tân Sơn trở thành đô thị có môi trường sống tốt. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, không gian cây xanh cảnh quan, mặt nước, sông hồ, tạo cảnh quan hấp dẫn và bản sắc riêng cho đô thị.

- Đầu tư xây dựng các hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cơ bản để có thể tăng sức hấp dẫn của đô thị và tăng khả năng kêu gọi đầu tư.

- Cải tạo, chỉnh trang các khu đô thị cũ, mở rộng và xây dựng các khu đô thị mới, đáp ứng các yêu cầu thiết yếu của việc phát triển thị xã trong giai đoạn đầu.

đ) Thị trấn Lợi Hải:

- Phát triển các loại hình dịch vụ vận tải, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, sản xuất chế biến nông nghiệp, vật liệu xây dựng, cơ khí..., đồng thời tập trung đầu tư trọng tâm, trọng điểm vào các trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ để tạo những động lực phát triển mới. Kêu gọi đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, kinh doanh, tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp.

- Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các khu dân cư hiện hữu, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Các khu có xen cấy

chức năng đô thị mới, cần nghiên cứu kết nối giữa khu cũ và khu mới về hạ tầng, không gian công cộng - giao lưu. Thực hiện quy hoạch chi tiết các khu dân cư hiện hữu, để tạo cơ sở pháp lý chuyển đổi mục đích sử dụng đất, phát triển đa dạng các loại nhà ở có diện tích và mức độ tiện nghi đáp ứng nhu cầu của thị trường và điều kiện thu nhập của các tầng lớp dân cư. Rà soát, điều chỉnh hoặc bổ sung các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân.

- Chú trọng các vấn đề môi trường trong phát triển đô thị - phát triển công nghiệp, xây dựng, nâng cấp các trạm xử lý nước thải, khí thải, các hệ thống thoát nước,...

e) Thị trấn Phước Đại:

- Xây dựng đô thị Phước Đại đáp ứng các yêu cầu là khu trung tâm huyện lỵ, Khu trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa - khoa học kỹ thuật của huyện Bắc Ái cho cả giai đoạn hiện tại và cả trong tương lai khi đô thị tiếp tục phát triển.

- Ưu tiên đầu tư các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị: Song song với việc triển khai xây dựng các tuyến giao thông, xây dựng các công trình cấp điện, cấp thoát nước,... đáp ứng nhu cầu phát triển của đô thị.

- Xác định hệ thống trung tâm, phạm vi, quy mô các khu chức năng trong đô thị, các khu hiện có phát triển ổn định, các khu cần chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp, các khu cần bảo tồn, tôn tạo, các khu chuyển đổi chức năng, các khu quy hoạch xây dựng mới,... theo thứ tự ưu tiên đầu tư. Hình thành không gian đô thị hài hòa có bản sắc và đặc trưng của vùng miền.

- Phát triển các loại hình dịch vụ và công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp, sản xuất chế biến nông nghiệp, vật liệu xây dựng, cơ khí,... Xây dựng chợ trung tâm tại Phước Đại làm đầu mối giao lưu hàng hóa phục vụ các xã vùng sâu, vùng xa. Phát triển du lịch văn hóa dân tộc, khai thác suối Cham-pơ, hồ Sông Sắt thành điểm tham quan du lịch gắn với cụm du lịch Ninh Sơn - Bắc Ái.

g) Các khu vực quy hoạch phát triển thị trấn Cà Ná, Phước Nam và Thanh Hải:

- Lập quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết một số khu chức năng chính;

- Từng bước đầu tư các hạng mục công trình hạ tầng xã hội cấp đô thị, như: y tế, văn hóa, thể dục thể thao, chợ trung tâm,...

- Từng bước nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, như: Giao thông, cấp thoát nước, xử lý chất thải,...

h) Nhiệm vụ của các đô thị giai đoạn 2021 đến 2030:

- Tiếp tục hoàn thiện chất lượng đô thị của các đô thị theo phân loại đô thị;

- Tập trung đầu tư phát triển để thành lập các đô thị, như: Thanh Hải, Phước Nam, Cà Ná và Lâm Sơn;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của đô thị, cũng như mật độ dân cư đô thị một cách hợp lý, đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động đô thị tại các

khu vực mới được đô thị hóa, cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng của các khu vực đô thị phát triển mới.

4. Các dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020 và nguồn lực thực hiện:

4.1. Mục tiêu ưu tiên đầu tư:

- Tạo động lực phát triển;
- Phát triển các kết cấu hạ tầng quan trọng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

- Đáp ứng nhu cầu ở và nâng cao chất lượng môi trường sống trong các khu vực đô thị hiện hữu và các khu vực đô thị hóa;

- Tăng cường quản lý xây dựng đô thị theo quy hoạch.

- Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư hợp lý, sử dụng có hiệu quả nguồn lực hạn chế. Thứ tự ưu tiên đầu tư được xác định là:

- + Các dự án tạo động lực phát triển: xây dựng các cơ sở kinh tế công nghiệp, cảng biển, du lịch, dịch vụ, giáo dục nghề nghiệp.

- + Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu: công trình thủy lợi, các tuyến đường chính đô thị, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, khu xử lý chất thải rắn, công trình giao thông liên đô thị, các công trình phúc lợi công cộng,...

4.2. Các dự án ưu tiên đầu tư hạ tầng khung - công trình đầu mối:

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Mức đầu tư giai đoạn 2016 - 2017	Mức đầu tư giai đoạn 2018 - 2020
	Tổng	11.101	5.941	5.161
A	Các dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020			
B	Dự án cần bổ sung	11.101	5.941	5.161
I	Hạ tầng kỹ thuật	11.101	5.941	5.161
1	Nâng cấp, cải tạo QL 1A	4.100	3.280	820
2	Nâng cấp, cải tạo QL 27	1.800	360	1.440
3	Nâng cấp, cải tạo QL 27B	760	153	608
4	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 710, đường Kiên Kiên - Mỹ Tân	1.950	390	1.560
5	Xây dựng mới đường tỉnh 707A	240		240
6	Xây dựng hệ thống bến xe khu vực Ninh Hải, Thuận Nam, Bắc Ái	21	21	

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Mức đầu tư giai đoạn 2016 - 2017	Mức đầu tư giai đoạn 2018 - 2020
7	Nâng công suất Trạm 220/110kV Tháp Chàm	74	74	
8	Xây dựng mới các tuyến đường dây 220KV đấu nối vào Trạm 220kV Tháp Chàm	420	420	
9	Nâng công suất Trạm 110/22kV Tháp Chàm	17	17	
10	Nâng công suất Trạm 110/22kV Ninh Phước	26	26	
11	Hồ Tân Giang huyện Ninh Phước	50	50	
12	Nâng cấp Kiên cố hóa kênh mương Sông Sắt, Sông Trâu, Sông Pha, Tân Giang, Nha Trinh - Lâm Cẩm, 19/5	120	120	
13	Xây dựng cụm kè thượng, hạ lưu Cầu Móng; thượng, hạ lưu bờ hữu cầu Đạo Long thuộc Sông Cái	25	10	15
14	Xây dựng kè biển 2 bên cửa đầm Nại	45	15	30
15	Xây dựng Dự án chống lũ ống, lũ quét Giêng Trắc, Gia Ty, Chà Dum	90	18	72
16	Nâng cấp kè biển Đông Hải, Thương Diêm - Cà Ná, Đê bắc Sông Dinh	170	170	
17	Xây dựng hồ chứa nước Kiên Kiên	50	50	
18	Nâng cấp kênh tiêu Sông Quao, Sông Lu 1,2; Cầu Ngòi, thoát nước Phan Rang	250	250	
19	Xây dựng khu xử lý CTR cấp vùng tỉnh tại núi Chà Bang tại xã Phước Nam, huyện Thuận Nam	482	212	270
20	Xây dựng mở rộng khu xử lý rác Nam Thành Xã Lợi Hải, Huyện Thuận Bắc	227	227	
21	Dự án xây dựng khu xử lý CTR xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn	64	30	34
22	Xây dựng nhà máy nước Cà Ná Phước Nam công suất 30.000 m ³ /ngày	120	48	72

4.3. Định hướng đầu tư phát triển đối với các đô thị:

Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư định hướng thực hiện đầu tư tại các đô thị. Đến khi Chương trình phát triển đô thị của từng đô thị được phê duyệt, danh mục này sẽ được thay thế bởi danh mục dự án được phê duyệt tại Chương trình phát triển đô thị của từng đô thị.

4.4. Nguồn lực thực hiện:

a) Tổng nhu cầu vốn của các dự án đầu tư phát triển đô thị giai đoạn 2016 - 2020:

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển đô thị toàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 là khoảng 41.934 tỷ đồng, trong đó vốn đã nằm trong danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 là khoảng 5.503 tỷ đồng, vốn cần bổ sung và kêu gọi, thu hút đầu tư là khoảng 36.431 tỷ đồng;

- Nhu cầu vốn đầu tư cần thu hút, huy động thêm bao gồm:

+ Nhu cầu vốn đầu tư các công trình hạ tầng khung được xác định trong Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh là 11.101 tỷ đồng;

+ Nhu cầu vốn đầu tư được đề xuất mang tính định hướng cho các chương trình phát triển của từng đô thị là 22.930 tỷ đồng. Các dự án này sẽ tiếp tục được rà soát và điều chỉnh trong chương trình phát triển của từng đô thị.

Bảng: Nhu cầu vốn đầu tư phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2020 (tỷ đồng)

STT	Tên đô thị	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Theo giai đoạn		Trong đó	
			2016 - 2017	2018 - 2020	Đã nằm trong danh mục dự án đầu tư trung hạn được duyệt kế hoạch vốn 2016 - 2020	Cần bổ sung và kêu gọi, thu hút đầu tư
	Toàn tỉnh	41.934	13.264	22.930	5.503	36.431
1	Liên đô thị - Hạ tầng diện rộng	11.101	5.941	5.161		11.101
2	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	17.302	5.191	12.111	5.360	11.942
3	Thị trấn Khánh Hải	1.923	479	1.444	0	1.923
4	Thị trấn Phước Dân	1.188	275	914	0	1.188
5	Thị trấn Tân Sơn	1.550	469	1.081	143	1.407
6	Đô thị Lợi Hải	1.251	364	887	0	1.251
7	Đô thị Phước Đại	1.878	546	1.332	0	1.878

8	Đô thị Cà Ná	3.789			0	3.789
9	Đô thị Thanh Hải	1.112			0	1.112
10	Đô thị Phước Nam	840			0	840

b) Các giải pháp thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030:

- Các giải pháp tạo động lực phát triển đô thị:

Thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế phi nông nghiệp như: công nghiệp, du lịch, dịch vụ thương mại, dịch vụ giáo dục nghề nghiệp, hành chính sự nghiệp,... trên cơ sở phát triển tương ứng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Các giải pháp tạo nguồn vốn xây dựng đô thị:

+ Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất chính sách vận động, thu hút đầu tư đối với các doanh nghiệp. Tiếp tục củng cố và xây dựng cơ quan xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp, để đáp ứng được nhu cầu thực tế;

+ Tiếp tục rà soát và xây dựng thông tin chi tiết về dự án đối với danh mục kêu gọi đầu tư, để làm cơ sở cho việc kêu gọi các nhà đầu tư;

+ Tham gia tích cực các Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia;

+ Huy động vốn theo các hình thức: BOT, BT, Chuyển nhượng quyền khai thác công trình hạ tầng, nhà nước và nhân dân cùng làm.

+ Sử dụng nguồn vốn ngân sách vào các dự án có khả năng kích thích các nguồn tài chính khác như: lập quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng diện rộng bảo vệ môi trường và các công trình không có khả năng thu hồi vốn;

+ Tạo môi trường khuyến khích phù hợp để thu hút tư nhân đầu tư vào cơ sở hạ tầng;

+ Sử dụng hợp lý nguồn vốn ngân sách, tránh lãng phí. Đối với các tuyến đường xây dựng mới hoặc mở rộng cần đi kèm dự án phát triển dọc hai bên đường, dùng nguồn kinh phí thu được từ bán đầu giá các quỹ đất hai bên đường này để đầu tư xây dựng đường, hạ tầng kỹ thuật đi kèm và trong rất nhiều trường hợp có thể dành kinh phí để đầu tư xây dựng hệ thống các công trình phúc lợi công cộng;

+ Khuyến khích người dân tham gia vào các hoạt động tự cải thiện môi trường sống trong khu dân cư theo mô hình “nhà nước và nhân dân cùng làm”.

- Các giải pháp về phát triển nhà ở, xây dựng các khu đô thị mới:

+ Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy về nhà ở trong tỉnh;

+ Chính quyền đô thị chủ động tổ chức nghiên cứu về thị trường nhà ở và xây dựng hệ thống cung cấp thông tin về nhà ở;

+ Cung cấp nhà ở phù hợp khả năng chi trả;

+ Phát triển các khu đô thị mới: Rà soát các dự án phát triển các khu đô thị mới. Xây dựng các đô thị mới cần được thực hiện có quy hoạch và các

quy hoạch cần giảm tính áp đặt, tăng khả năng đáp ứng linh hoạt. Phát triển nhà ở và các khu đô thị mới theo xu hướng kiến trúc xanh. Các khu đô thị mới cần hướng tới mục tiêu phục vụ các đối tượng khác nhau và huyến khích đi bộ, sử dụng phương tiện công cộng. Quy mô giao đất thực hiện các dự án phát triển đô thị mới cần phù hợp với nhu cầu để đảm bảo thị trường hoạt động hiệu quả. Trong quá trình đánh giá dự án, cần phân tích giữa những hiệu quả mà dự án mang lại cho xã hội, so sánh với những khoản ngân sách đô thị phải chi trả để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng và hạ tầng chính đô thị và đảm bảo cho một dự án hoạt động tốt. Đầu tư hạ tầng chính đô thị kịp thời và cung cấp thông tin chính xác đóng góp đáng kể vào sự thành công của các khu đô thị mới.

- Giải pháp về phân phối lợi ích (về các mặt) từ phát triển đô thị:

+ Tạo điều kiện để cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng bởi dự án được hưởng lợi từ các hoạt động phát triển;

+ Sử dụng một phần quỹ đất phát triển để tạo vốn nâng cao chất lượng môi trường sống cho các khu dân cư hiện hữu;

+ Đảm bảo công bằng xã hội, tránh tạo áp lực tiêu cực lên quá trình phát triển đô thị.

- Giải pháp về nguồn nhân lực:

+ Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý tại địa phương;

+ Đẩy mạnh việc liên kết trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực (trong và ngoài nước), tăng cường mở các lớp tập huấn để đào tạo thường xuyên, nhằm duy trì chất lượng và số lượng cho đội ngũ lao động kế cận, thu hút, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề cho các lao động bị thu hồi đất sang các ngành nghề phi nông nghiệp phù hợp với tính chất phát triển;

+ Có chính sách cụ thể khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào đề án thực hiện đào tạo, tái đào tạo đội ngũ lao động.

- Giải pháp về chính sách:

+ Rà soát các quy định, chính sách về đầu tư, kinh doanh để sửa đổi các nội dung không đồng bộ, thiếu nhất quán, sửa đổi các quy định còn bất cập, chưa rõ ràng liên quan đến thủ tục đầu tư và kinh doanh;

+ Tiếp tục cụ thể hóa các chính sách về các ưu đãi khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực: phát triển đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật, phát triển nhà ở xã hội và nhà ở cho người có thu nhập thấp; xây dựng công trình phúc lợi cho người lao động làm việc trong các khu công nghiệp, các dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn,...;

+ Tiếp tục rà soát các dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư, trên cơ sở đó có biện pháp hỗ trợ, tập trung tháo gỡ vướng mắc và tạo điều kiện để dự án sớm triển khai;

+ Tiếp tục thực hiện thành công Đề án đơn giản hoá thủ tục hành chính;

+ Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tình trạng nhũng nhiễu đối với nhà đầu tư. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương;

+ Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo các đơn vị, các ngành với các nhà đầu tư và với nhân dân, để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách và pháp luật hiện hành, đảm bảo các dự án hoạt động hiệu quả, tạo hiệu ứng lan toả và tác động tích cực tới nhà đầu tư mới, đảm bảo công bằng xã hội cho các tầng lớp nhân dân.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì công bố Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh. Phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện chủ trương phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng và địa phương rà soát điều chỉnh định kỳ hoặc lập mới quy hoạch xây dựng đối với quy hoạch vùng, quy hoạch chung, quy hoạch các khu chức năng đặc thù, nhất là quy hoạch chung xây dựng cho các đô thị hình thành mới trong tương lai làm cơ sở đầu tư phát triển và để thực hiện đúng lộ trình phát triển hệ thống đô thị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

c) Hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện lập chương trình phát triển đô thị cụ thể cho từng đô thị, đề án nâng loại đô thị theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thẩm định Chương trình phát triển đô thị, Đề án nâng loại đô thị hoặc Hồ sơ khu vực phát triển đô thị của các địa phương, trình UBND tỉnh phê duyệt;

d) Phối hợp với các cơ quan chức năng và địa phương lồng ghép nội dung của Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt vào quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành, lĩnh vực và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của địa phương;

đ) Phối hợp với các cơ quan chức năng và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chỉ đạo tổ chức tạo quỹ đất cho các dự án đầu tư phát triển đô thị trong khu vực phát triển đô thị đã được công bố;

e) Phối hợp với các Sở ban ngành rà soát quy hoạch các ngành, lĩnh vực để xác định các dự án trọng điểm, xây dựng kế hoạch và cùng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn đầu tư gắn với lộ trình, kế hoạch phát triển đô thị; đảm bảo xây dựng đồng bộ về cơ sở hạ tầng khung toàn tỉnh;

g) Theo dõi, đánh giá, tổng kết tình hình xây dựng và triển khai Chương trình phát triển đô thị tỉnh, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển đô thị tỉnh theo quy định hiện hành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị với các Bộ, Ngành Trung ương, các cơ quan liên quan huy động và tổng hợp nguồn lực thực hiện mục tiêu Chương trình. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiên cứu, tham mưu đề xuất quy định về cơ chế vốn cho phát triển cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng vốn Ngân sách và huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhằm đạt mục tiêu Chương trình đã đề ra;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành có liên quan nghiên cứu, tham mưu đề xuất phương án vận động thu hút nguồn vốn cho các hoạt động của Chương trình, tổ chức xúc tiến đầu tư phát triển đô thị từ các nguồn vốn hợp pháp trong nước và quốc tế;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, hướng dẫn cơ chế ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đô thị. Rà soát, cân đối khả năng phân bổ, bố trí các nguồn vốn thực hiện kế hoạch hàng năm cho từng giai đoạn phát triển các đô thị.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan liên quan và địa phương rà soát, đối chiếu các số liệu kiểm kê đất đai các đô thị, kế hoạch sử dụng đất theo lộ trình phát triển đô thị cho từng giai đoạn;

b) Chủ trì nghiên cứu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án trên địa bàn tỉnh;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan liên quan và địa phương tổ chức phương án tạo quỹ đất cho các dự án đầu tư phát triển đô thị trong khu vực phát triển đô thị đã được công bố. Thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai cho các dự án đầu tư phát triển đô thị;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đặc biệt là đất trồng lúa nước cần được bảo vệ nghiêm ngặt làm cơ sở cho phát triển đô thị.

4. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp kinh phí hàng năm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư cho phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự toán chi hàng năm và hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện và thanh quyết toán theo quy định hiện hành;

b) Chủ trì phối hợp các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách thuế,

xác định và huy động nguồn tài chính cho đầu tư phát triển đô thị. Từng bước hướng đến thành lập Quỹ phát triển đô thị.

5. Sở Nội vụ:

Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở ban ngành, huyện thành thị hoàn thiện hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn; nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, để thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình phát triển đô thị đã đề ra. Phối hợp với các sở, ban ngành trong việc thực hiện chính sách phát triển đô thị.

6. Sở Giao thông vận tải:

Lập kế hoạch và thực hiện phát triển mạng lưới giao thông toàn tỉnh theo định hướng Quy hoạch phát triển hệ thống giao thông vận tải tỉnh đến năm 2030, phù hợp với Chương trình phát triển đô thị theo từng giai đoạn, để đảm bảo kết nối với hệ thống đô thị trung tâm và các trục giao thông chính theo Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu được duyệt.

7. Các Sở, Ban, Ngành liên quan:

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực của từng Sở, ban, ngành quản lý; tham gia huy động nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và có trách nhiệm phối hợp nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách và chỉ đạo thực hiện các chính sách liên quan đến quản lý phát triển đô thị.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Tổ chức triển khai thực hiện và chỉ đạo các cấp thực hiện Chương trình phát triển đô thị giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tới các đô thị, điểm dân cư tập trung, trên địa bàn mình quản lý, có trong danh mục định hướng phát triển;

b) Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan rà soát điều chỉnh định kỳ hoặc lập mới quy hoạch xây dựng đối với quy hoạch phân khu, quy hoạch các khu chức năng đặc thù, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị,... làm cơ sở thu hút đầu tư phát triển theo đúng lộ trình của Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

c) Chủ trì tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị. Có trách nhiệm trong việc tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư phát triển các đô thị của địa phương. Xây dựng các dự án ưu tiên có khả năng thu hút các nguồn lực đầu tư xã hội hóa; đề xuất tháo gỡ các khó khăn của nhà đầu tư. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, khắc phục những chỉ tiêu còn thiếu hoặc điểm thấp để triển khai đề án nâng loại đô thị hoặc công nhận đô thị hình thành mới theo đúng lộ trình được duyệt;

d) Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan lập Chương trình phát triển từng đô thị, lập hồ sơ khu vực phát triển đô thị trên địa bàn

theo lộ trình. Lồng ghép các nội dung của Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm trên địa bàn;

d) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển đô thị hàng năm. Lập đề án nâng loại đô thị hoặc công nhận đô thị hình thành mới từng giai đoạn theo Chương trình phát triển đô thị được duyệt. Giám sát việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị trên địa bàn. Bố trí cán bộ có năng lực trong tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp huyện để hoàn thành tốt công tác quản lý và phát triển đô thị tại địa phương;

e) Tăng cường công tác quản lý trật tự đô thị hiện hữu và các khu vực dự kiến phát triển đô thị trên địa bàn mình quản lý.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền trong việc triển khai thực hiện chương trình, đề án phát triển đô thị;

b) Quản lý tốt trật tự xây dựng, cảnh quan môi trường đô thị;

c) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân về tầm quan trọng của việc phát triển đô thị; vận động nhân dân tham gia giám sát tạo sự đồng thuận trong quá trình đầu tư xây dựng và phát triển đô thị, tích cực đóng góp xây dựng các công trình hạ tầng đô thị.

10. Các cơ quan ban ngành, các Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp thực hiện chương trình, giám sát các dự án đầu tư, tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của Tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương, ý kiến chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh mỗi khi gặp khó khăn vướng mắc, nhằm thực hiện thành công mục tiêu đề ra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT; các Phó CT UBND tỉnh;
- TT. các Huyện ủy, Thành ủy;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: TH, KTN, NC, KGVX, QHXD;
- Lưu: VT. (Đạt -XD)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh